

Bản án số: 123/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2021

*“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang

Ông Phạm Công Định

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 134/2021/HNGĐ – TLST ngày 24/6/2021 về việc “ *Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2021/QĐ-ST ngày 31/7/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 01/9/1982.

ĐKKHKT : Thôn Qua B, xã Liên H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở : Thôn K, xã Thống Nh, huyện L, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

2. Bị đơn : Anh Mai Văn Tr (Trắng), sinh ngày 25/5/1977.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh : Thôn Qua B, xã Liên H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại Angola (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Văn M, sinh năm 1955 và bà Bùi Thị D, sinh năm 1955.

Đều trú tại : Thôn Qua B, xã Liên H, thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị và anh Tr (Trắng) sống chung cùng nhau từ năm 1999, khi đó chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên đến ngày 18 tháng 3 năm 2002 chị mới đến Ủy ban nhân dân xã Liên H, huyện L (nay là thành phố H) để đăng ký kết

hôn. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do năm 2013 anh Tr đi lao động tại Angola, vợ chồng mất niềm tin, không tin tưởng ở nhau, từ khi đi nước ngoài đến nay anh Tr chưa về Việt Nam lần nào. Do vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, không có sự thông cảm cùng nhau nên tháng 11/2020 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr.

Về con chung : Vợ chồng chị có 3 con chung là cháu Mai Thu L, sinh ngày 31/5/2002, cháu Mai Thị Bích M, sinh ngày 07/8/2007 và cháu Mai Văn S, sinh ngày 15/10/ 2009. Do cháu L đã trưởng thành nên ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện nay cháu M đang ở với ông bà nội, cháu S ở với chị. Ly hôn ban đầu chị có nguyện vọng được nuôi cháu S, còn cháu M ở với bố và ông bà nội. Tuy nhiên sau đó do cháu S có nguyện vọng được ở với bố nên chị Đ đã thay đổi quan điểm, chị đồng ý để anh Tr nuôi dưỡng cháu Sơn và cháu Liên. Trong thời gian anh Tr không ở Việt Nam chị đồng ý để ông Mai Văn M và bà Bùi Thị D là bố mẹ đẻ của anh Tr chăm sóc cháu S và cháu M. Chị sẽ có trách nhiệm với các con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ không cung cấp được địa chỉ của anh Tr ở Angola. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Mai Văn M và bà Bùi Thị D là bố mẹ đẻ của anh Tr. Ông M, bà D xác định anh Tr (Trăng) đi lao động tại Angola từ năm 2013, từ khi đi đến nay anh Tr chưa về Việt Nam lần nào. Ông M, bà D cho biết, trong cuộc sống vợ chồng chị Đ là người hay chơi bời, cờ bạc và có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, gia đình nhiều lần bắt gặp và đã lập biên bản, chị Đ có xin lỗi nhưng sau đó vẫn không thay đổi. Từ tháng 11/2020 đến nay chị Đ đã bỏ nhà đi mang theo tài sản và tiền do anh Tr gửi về, khi đi chị Đ có đưa cháu Mai Văn S đi cùng. Ông bà không biết địa chỉ của anh Tr ở nước ngoài, nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên anh Tr thường xuyên gọi điện về cho ông bà. Ông M, bà D đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Tr biết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông M, bà D xác định đã thông tin cho anh Tr biết. Anh Tr có quan điểm tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn, trước sau sẽ ly hôn, nhưng hiện tại do dịch bệnh, anh không về được Việt Nam nên chưa đồng ý ly hôn. Về con chung anh Tr có nguyện vọng được nuôi cả cháu S và cháu M, không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Thời gian anh Tr không ở Việt Nam, anh ủy quyền cho bố mẹ đẻ chăm sóc nuôi dưỡng cháu S và cháu M. Về tài sản chung, nợ chung do anh Tr chưa đồng ý ly hôn, nên không đề nghị Tòa án giải quyết, sau này khi về Việt Nam anh Tr đề nghị Tòa án giải quyết sau. Hiện tại cháu S đã về ở

cùng với ông M, bà D nên ông bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu trong thời gian anh Tr không ở Việt Nam..

Cháu Mai Thị Bích M và cháu Mai Văn S là con chung của chị Đ và anh Tr đều có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị Đ và anh Tr đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Đ được ly hôn anh Tr; Về con chung: Cháu Mai Thư L, sinh ngày 31/5/2002 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; Giao cháu Mai Thị Bích M, sinh ngày 07/8/ 2007 và cháu Mai Văn S, sinh ngày 15/10/2009 cho anh Tr chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Tr không ở Việt Nam, tạm giao cháu M, cháu S cho ông Mai Văn M và bà Bùi Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Tr không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đ không cung cấp được địa chỉ của anh Tr ở Angola. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh Tr cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Tuy nhiên qua xác minh tại gia đình anh Tr thì được biết, anh Tr vẫn thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ là ông Mai Văn M và bà Bùi Thị D. Ông M, bà D đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và xác nhận đã thông báo cho anh Tr biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ, ông M, bà D đều có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Anh Tr cũng đã được gia đình thông báo về thời gian xét xử nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Đ và anh Mai Văn Tr (Trắng) chung sống cùng nhau từ năm 1999, đến ngày 18/3/2002 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên H, huyện L (nay là thành phố

H), tỉnh Hải Dương, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Tr đi nước ngoài lao động, vợ chồng có thời gian dài sống xa cách dẫn đến hai bên mất niềm tin, không tìm thấy tiếng nói chung. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr. Thông qua gia đình, anh Tr cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, trước sau sẽ ly hôn, nhưng hiện tại anh không về được Việt Nam nên chưa đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, thực tế mâu thuẫn giữa anh Tr và chị Đ đã kéo dài, 2 bên không còn tình cảm nên có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Mai Văn Tr có 03 con chung là cháu Mai Thư L, sinh ngày 31/5/2002, cháu Mai Thị Bích M, sinh ngày 07/8/2007 và cháu Mai Văn S, sinh ngày 15/10/ 2009. Hiện tại cháu L đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Cháu M, cháu S đang ở với ông bà nội. Ly hôn anh Tr có nguyện vọng được nuôi cả hai con, chị Đ cũng nhất trí. Cháu S và cháu M đều có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội. Do vậy để ổn định cuộc sống của 2 cháu, nên giao cho anh Tr được nuôi dưỡng 2 con chung. Trong thời gian anh Tr không ở Việt Nam tạm giao cháu S và cháu M cho ông M và bà D nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận sự tự nguyện của anh Tr không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này anh Tr, chị Đ có quyền yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Mai Văn Tr (Trắng).

2. Về con chung: Giao con chung Mai Thị Bích M, sinh ngày 07/8/2007 và Mai Văn S, sinh ngày 15/10/ 2009 cho anh Mai Văn Tr nuôi dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Tr không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Trong thời gian anh Tr không ở Việt Nam tạm giao cháu M, cháu S cho ông Mai Văn M và bà Bùi Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng.

*Chị Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.*

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0006368 ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Đ đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Đ, ông Mai Văn M và bà Bùi Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Mai Văn Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh Hải Dương
- Các đương sự.
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương.
- UBND xã Liên H
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**